TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỜ ĐỎ** **TP. CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 244/2019/HNGĐ-ST
Ngày 04-10-2019
V/v ly hôn giữa chị T và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Viễn
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Hoàng Hải
2. Bà Nguyễn Thị Huệ

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa***: Ông Lưu Quốc Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 191/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 171/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 2000. Địa chỉ: Ấp ĐM, xã ĐT, huyện CĐ, thành phố Cần Thơ "có mặt"

2. Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1995. Địa chỉ: Ấp TB 2, xã TX, huyện CĐ, thành phố Cần Thơ "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 25/7/2019, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T trình bày: Chị và anh T xác lập hôn nhân năm 2017, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng có thời gian chung sống

hạnh phúc nhưng gần đây phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng nãy sinh cãi vã bất hòa. Vợ chồng ly thân từ năm 2018 đến nay. Xét thấy, vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên chị T xin ly hôn.

Về nuôi con chung: Anh, chị có 01 con chung tên Lê Nguyễn Quốc T, sinh ngày 23/02/2017 con đang sống cùng cha.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Bị đơn anh Lê Văn T trình bày: Anh T thống nhất lời trình của chị T về thời gian tiến tới hôn nhân, con chung, tài sản chung, nghĩa vụ trả nợ. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Anh T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T, anh xác định còn thương vợ mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Tại phiên tòa: Chị T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Con chung đồng ý giao cho anh T nuôi dưỡng. Anh T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng, việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Qua phân tích đánh giá chứng cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh T. Giao con chung cho anh T nuôi dưỡng. Ghi nhận anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Văn T là bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh, chị xác lập hôn nhân năm 2016, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm

2018 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cải vã, bất hòa, vợ chồng sống ly thân hơn 01 năm nay. Tại phiên tòa anh T vắng mặt, quá trình tố tụng anh T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T nhưng anh không có biện pháp thuyết phục chị T về đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn giữa chị T và anh T.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị T đồng ý giao con cho anh T nuôi dưỡng nên ghi nhận.

[2.3] Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.**4]** Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Cẩm T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 17 Luật Phí và lệ phí; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Cẩm T đối với anh Lê Văn T.

Cho chị Nguyễn Thị Cẩm T ly hôn với anh Lê Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Quốc T, sinh ngày 23/02/2017cho anh T nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Chị T được quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nghĩa vụ trả nợ: Không có.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Cẩm T phải nộp 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng chị T đã nộp theo biên lai thu số 001706 ngày 02/8/2019.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, tuyên án có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân địa phương nơi cư trú hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện CĐ;
- TAND TP. Cần Thơ;
- Chi cục THADS huyện CĐ;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG X ÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Minh Viễn